



Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO SƠ KẾT
TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
VÀ HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI 6 THÁNG ĐẦU NĂM,
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016

PHẦN THỨ NHẤT
BỐI CẢNH TÌNH HÌNH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

Ngành Công Thương bước vào năm 2016 với một số thuận lợi nhưng đã phải đối diện với nhiều khó khăn, phức tạp mới nảy sinh. Kinh tế toàn cầu 6 tháng đầu năm 2016 cho thấy sự phục hồi chậm và chưa vững chắc, nhiều nền kinh tế chủ chốt trên thế giới tiếp tục gặp phải khó khăn. Thương mại thế giới ở nhiều khu vực thị trường là bạn hàng lớn cả về xuất khẩu và nhập khẩu của Việt Nam đang có dấu hiệu giảm hoặc tăng chậm lại. Trong đó đáng lưu ý là xuất khẩu, nhập khẩu của khu vực Eurozone giảm 1% trong xuất khẩu và 3% trong nhập khẩu; Nhật Bản giảm 11,3% trong xuất khẩu và 13,8% trong nhập khẩu; tình trạng tương tự diễn ra đối với thương mại của Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ và một số nền kinh tế mới nổi khác. Tốc độ tăng trưởng của sản xuất toàn cầu cũng có dấu hiệu chững lại. Chỉ số tổng hợp về tình hình sản xuất PMI toàn cầu đã từ mức 51,6 điểm vào quý I năm 2016 (là mức thấp nhất kể từ quý IV năm 2012) xuống còn 51,1 điểm vào tháng 5 và xuống 50,6 điểm vào tháng 6 năm 2016, cho thấy sự mở rộng sản xuất trên toàn cầu đang trong xu thế chậm lại.

Tình hình tỷ giá, lãi suất và giá cả một số loại, nguyên, nhiên, vật liệu chủ yếu phục vụ sản xuất trên thị trường thế giới có nhiều diễn biến phức tạp. Cục Dự trữ liên bang Mỹ (FED) liên tiếp 4 lần hoãn tăng mức lãi suất với nhận định về triển vọng kinh tế chưa có dấu hiệu khả quan. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) tiếp tục áp dụng một loạt biện pháp nới lỏng tiền tệ, trong đó bao gồm cả việc cắt giảm tỷ lệ lãi suất... Giá nhiều loại hàng hóa thiết yếu trên thị trường thế giới nhìn chung đều ở mức thấp hơn so với mức cùng kỳ năm trước.

Ở trong nước, mặc dù tốc độ tăng trưởng GDP 6 tháng đầu năm ở mức 5,52%, là mức tăng chậm hơn cùng kỳ 6 tháng đầu năm 2015; chỉ số giá tiêu dùng CPI bình quân 6 tháng đầu năm tăng 1,72%, cao hơn khá nhiều so với cùng kỳ năm 2015; song tổng mức dư nợ tín dụng đối với nền kinh tế ước tăng 6,2%, là mức tương đương với cùng kỳ năm trước; tổng vốn đầu tư toàn xã hội tăng 11,7%, cao hơn mức tăng của cùng kỳ năm trước là 9,4%, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài FDI tăng cao cả ở vốn đăng ký và vốn thực hiện (vốn FDI đăng ký cao gấp 2 lần cùng kỳ năm trước, vốn FDI thực hiện tăng 15,1%,

cao hơn mức tăng 9,6% của cùng kỳ năm trước; chỉ số sản xuất công nghiệp tuy có mức tăng thấp hơn cùng kỳ năm trước (7,5% của 6 tháng đầu năm 2016 so với 9,7% của 6 tháng đầu năm 2015) nhưng IIP của nhóm ngành công nghiệp chế biến chế tạo có mức tăng trưởng khả quan 10,1% (cao hơn so với cùng kỳ năm trước là 10%); tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng khá, đạt mức 9,5% (so với mức tăng 9,8% của 6 tháng đầu năm 2015)... Đây là những tín hiệu tích cực cho tăng trưởng của những tháng cuối năm 2016. Tuy nhiên, tình trạng hạn hán, nhiễm mặn kỷ lục đã ảnh hưởng lớn tới xuất khẩu nông sản; giá khoáng sản giảm sâu cũng khiến nhiều doanh nghiệp cắt giảm sản xuất, dẫn đến lượng xuất khẩu giảm; những yếu tố đột biến trong đầu tư FDI để nâng cao năng lực xuất khẩu cũng chưa xuất hiện bởi mới trong giai đoạn đầu tư...

Tóm lại, mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn đang trong giai đoạn khó khăn, xu hướng tăng trưởng chậm hơn so với cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn xuất hiện những yếu tố cơ hội để có thể thúc đẩy tăng trưởng cả trong sản xuất và thương mại đối với Việt Nam.

PHẦN THỨ HAI **ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT CÔNG TÁC CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG** **6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

I. Về sản xuất công nghiệp

Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP 6 tháng đầu năm tăng 7,5%, là mức tăng khá thấp so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ tăng 9,6%), chủ yếu do giảm ở nhóm ngành khai khoáng (giảm 2,2%). Ngành khai khoáng là ngành duy nhất có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ chủ yếu do sản lượng khai thác dầu thô giảm 6,6% so với cùng kỳ (cùng kỳ tăng 11%); các ngành còn lại đều có mức tăng cao hơn cùng kỳ. Sản xuất phân phối điện tăng 11,7% (cùng kỳ tăng 11,4%); công nghiệp chế biến chế tạo tăng 10,1%, tương đương mức tăng của cùng kỳ năm trước (tăng 10%). Đây là mức tăng khả quan nếu so sánh tương quan với tăng trưởng GDP (6 tháng đầu năm 2016 tăng trưởng 5,52% so với mức 6,32% của cùng kỳ năm 2015).

Tình hình tiêu thụ của ngành công nghiệp chế biến chế tạo tiếp tục duy trì xu hướng tăng, tuy nhiên vẫn thấp hơn so với mức tăng của cùng kỳ năm 2015. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành chế biến chế tạo 5 tháng đầu năm tăng 8,8% (cùng kỳ năm 2015 tăng 12,7%). Tồn kho tiếp tục duy trì mức thấp hơn so với mức tăng của 2015. Chỉ số tồn kho toàn ngành chế biến chế tạo tại thời điểm 01/6/2016 tăng 9% (thấp hơn 2,8 điểm phần trăm của cùng thời điểm năm 2015).

Nhìn chung, sản xuất công nghiệp 6 tháng đầu năm tăng thấp một mặt là do nhu cầu tiêu dùng trong nước chưa hồi phục khiến sản xuất tăng chậm, mặt khác do ảnh hưởng từ thị trường tiêu thụ thế giới tăng thấp (chỉ số tổng hợp về tình hình sản xuất PMI toàn cầu liên tục sụt giảm 6 tháng đầu năm nay). Đánh giá cụ thể ở một số ngành như sau:

1. Đối với ngành điện:

6 tháng đầu năm 2016, mặc dù thời tiết diễn biến phức tạp, đặc biệt là ảnh hưởng của hiện tượng Elnino, nhưng sản xuất điện vẫn tiếp tục duy trì được mức tăng trưởng khá so với cùng kỳ. Nhu cầu phụ tải tăng trưởng cao hơn (gần 1%) so với dự kiến kế hoạch, nhưng ngành điện đã bảo đảm cung ứng điện an toàn, ổn định phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt và các sự kiện chính trị. Giá điện được giữ ổn định, góp phần thực hiện mục tiêu chung về kiềm chế lạm phát của Chính phủ. Bên cạnh đó, ngành điện đã điều tiết các hồ thủy điện hợp lý để bảo đảm cấp nước cho hạ du phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Về nguồn điện, trong 6 tháng đầu năm đã hoàn thành việc hòa lưới phát điện tổ máy 2 Thủy điện Huội Quảng (260MW) và tổ máy 2 Thủy điện Lai Châu (400 MW). Hoàn thành đóng điện các dự án lưới điện truyền tải quan trọng như: Trạm biến áp 500kV Pleiku 2, đường dây 500kV Duyên hải - Mỹ Tho, trạm biến áp 500kV phố Núi và các đường dây đầu nối; nâng cao công suất trạm biến áp 500kV Sơn La theo đúng tiến độ, góp phần nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp của ngành điện nói riêng và toàn ngành nói chung. Về cơ bản, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh của ngành đã hoàn thành 50% kế hoạch cả năm 2016.

Tuy nhiên, ngành điện đang gặp phải những khó khăn như: Công tác đền bù giải phóng mặt bằng cho các dự án điện vẫn rất khó khăn, phức tạp, đặc biệt đối với các công trình lưới điện truyền tải 500 - 220kV. Khối lượng thực hiện khởi công, đóng điện còn thấp, số công trình hoàn thành đạt 56% kế hoạch, khởi công đạt 36% kế hoạch. Hầu hết các dự án điện đều thiếu vốn, với trên dưới 40 dự án xây dựng nguồn điện và hàng trăm dự án xây dựng lưới truyền tải.

2. Đối với ngành than:

Sản xuất tiếp tục khó khăn, giá bán thấp, điều kiện khai thác mỏ ngày càng xuống sâu và đi xa hơn; tỷ trọng than lộ thiên giảm, chủ yếu khai thác hầm lò xuống sâu làm cho giá thành sản xuất than tiếp tục tăng; chi phí sản xuất tăng, các loại thuế, phí liên quan đến ngành tăng (tổng các loại thuế, phí chiếm khoảng 16% trong giá thành sản xuất một tấn than); nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển các mỏ than rất lớn, trong khi nguồn vốn tích lũy của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam rất hạn chế... đã tác động không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của ngành. Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm, các đơn vị trong ngành đã triển khai tích cực kế hoạch sản xuất kinh doanh, tập trung ổn định sản xuất, bảo đảm việc làm và thu nhập cho người lao động. Sản xuất kinh doanh của ngành đã đáp ứng tối đa các chủng loại than theo yêu cầu cho các nhà máy điện và các hộ sử dụng khác.

3. Đối với ngành dầu khí:

Trong 6 tháng đầu năm, giá dầu trên thế giới giảm sâu, có thời điểm xuống mức 27 USD/thùng, đã ảnh hưởng trực tiếp đến các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thăm dò, khai thác dầu khí, đồng thời tác động tiêu cực đến các đơn vị dịch vụ dầu khí. Tình hình sản xuất kinh doanh của ngành gặp nhiều khó khăn, thách thức; công tác tìm kiếm thăm dò vùng nước sâu xa bờ bị hạn chế về nguồn vốn cũng như kinh nghiệm... Tuy nhiên, các đơn vị trong ngành đều giữ

được nhịp độ sản xuất kinh doanh bình thường, các chỉ tiêu sản xuất bám sát kế hoạch. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm của ngành đều đạt mức trên 50% so với kế hoạch đề ra. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm nhà nước về dầu khí và các dự án trọng điểm của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được kiểm soát chặt chẽ. Tập đoàn đã tập trung rà soát kế hoạch đầu tư năm 2016, chỉ đạo các đơn vị thực hiện phân loại và sắp xếp thứ tự ưu tiên các dự án đầu tư, bảo đảm sử dụng hiệu quả vốn, đầu tư theo trọng điểm. Khởi động chuỗi dự án khí lô B - Ô Môn; lắp đặt thành công cụm máy phát tổ máy số 2 Nhà máy nhiệt điện Thái Bình... bảo đảm tính khả thi và hiệu quả tổng thể.

4. Đối với ngành cơ khí:

Sản xuất nhóm ngành cơ khí gặp khó khăn chủ yếu do tiêu thụ giảm. Tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn tại các tỉnh miền Tây Nam bộ ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp và tác động trực tiếp đến việc tiêu thụ động cơ và máy nông nghiệp; hàng Trung Quốc giá rẻ cạnh tranh chi phối thị trường. Bên cạnh đó, do tình trạng chung của nền kinh tế nên việc đầu tư mở rộng sản xuất cũng như đầu tư dự án mới của nhà nước và doanh nghiệp bị thu hẹp dẫn đến việc tiêu thụ các sản phẩm của nhóm này cũng bị giảm sút. Ngoài ra, việc quy định sản phẩm máy nông nghiệp không thuộc đối tượng chịu thuế VAT cũng đã tạo ra những khó khăn cho ngành. Tuy nhiên, các doanh nghiệp cơ khí trong ngành Công Thương đã có nhiều nỗ lực trong việc duy trì sản xuất và thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm; qua đó, 6 tháng đầu năm ngành cơ khí cũng đã đạt mức 50% kế hoạch cả năm.

5. Đối với ngành hóa chất, phân bón:

6 tháng đầu năm, ngành phân bón gặp nhiều khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ do giá dầu xuống thấp kéo theo giá phân bón giảm sâu và vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục. Bên cạnh đó, sản xuất nông nghiệp bị ảnh hưởng bởi thời tiết, cây công nghiệp bị ảnh hưởng bởi hạn hán nên tiêu thụ phân bón giảm; nhu cầu tiêu dùng phân bón truyền thống có xu hướng giảm (bình quân trên thế giới giảm 1,78%/năm); tình trạng phân bón giả, kém chất lượng diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến các doanh nghiệp sản xuất. Ngoài ra, Luật thuế giá trị gia tăng đưa mặt hàng "Phân bón" vào diện không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) đã tăng thêm khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành. Nhìn chung, 6 tháng đầu năm kết quả sản xuất kinh doanh của toàn ngành có giảm, nhưng một số đơn vị trong lĩnh vực hóa chất cơ bản và chất tẩy rửa vẫn có mức tăng trưởng khá.

6. Đối với ngành dệt may, da giày:

6 tháng đầu năm, thị trường sản phẩm dệt may, da giày gặp nhiều khó khăn. Các khu vực thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản sụt giảm đã ảnh hưởng tới tăng trưởng của ngành. Tuy nhiên, sản xuất và xuất khẩu toàn ngành vẫn duy trì được mức tăng trưởng khá, mặc dù không cao bằng mức tăng của cùng kỳ năm 2015 nhưng đã cho thấy nỗ lực rất lớn của các doanh nghiệp trong toàn ngành. Hiện nay, các doanh nghiệp trong ngành đang gặp khó khăn bởi tình trạng thiếu đơn hàng; một số đơn hàng số lượng lớn, gia công đơn giản, không yêu cầu chất lượng cao, khách hàng chuyển sang một số nước như Bangladesh, Campuchia...

7. Đối với các ngành sản xuất chế biến thực phẩm và đồ uống:

Sản xuất kinh doanh cơ bản ổn định, chỉ số sản xuất duy trì mức tăng trưởng khá. Ngành bia rượu nước giải khát tăng 5,5% (thấp hơn mức tăng 5,9% của 6 tháng đầu năm 2015); ngành thuốc lá tăng 2,5% (cao hơn mức tăng 1,8% của cùng kỳ năm 2015); chế biến thực phẩm tăng 7,6% (tương đương với mức của cùng kỳ năm 2015). Tuy nhiên, tiêu thụ còn chưa ổn định, mang tính mùa vụ cao; áp lực cạnh tranh từ các nhà sản xuất nước ngoài ngày càng lớn. Đối với ngành bia rượu nước giải khát, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt có sự thay đổi cả về thuế suất và cách tính thuế đối với các sản phẩm của ngành; đối với ngành thuốc lá, tình trạng nhập lậu vẫn còn diễn biến phức tạp... đã ảnh hưởng trực tiếp tới lợi nhuận và hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành.

II. Về xuất nhập khẩu

1. Về xuất khẩu:

Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm ước đạt 82,24 tỷ USD, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm 2015 (6 tháng năm 2015 tăng 9,2% so với cùng kỳ năm trước). Đây là mức tăng thấp, kể cả xem xét trong tương quan với mức tăng GDP của năm nay. Kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng thấp chủ yếu do giá xuất khẩu giảm 6,3%, bao gồm cả giảm giá dầu thô và giá xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến. Nếu loại trừ yếu tố giá giảm, thì tốc độ tăng kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm đạt 10,1% (mặc dù vẫn thấp hơn mức tăng 13,4% của cùng kỳ năm trước 13,4%) nhưng là mức cao hơn so với mục tiêu kế hoạch đề ra của năm 2016).

Tuy nhiên, trong bối cảnh cả cung trong nước và cầu nước ngoài cùng giảm sút, giá xuất khẩu lại duy trì ở mức thấp thì tốc độ này là khá tích cực, đặc biệt là nếu so sánh với các nước trong khu vực (đều có xuất khẩu, nhập khẩu tăng trưởng âm hoặc chỉ đạt mức tương đương năm trước. Ví dụ: 4 tháng đầu năm 2016, kim ngạch xuất khẩu của Trung Quốc giảm 7,6%; Ấn Độ xuất giảm 8%; Braxin giảm 3,4%; Indonesia giảm 13,6%). Điều này đã thể hiện nỗ lực lớn của các ngành, địa phương và doanh nghiệp. Đánh giá một cách chi tiết hơn cho thấy:

- *Nhóm hàng nông sản, thủy sản:* Kim ngạch xuất khẩu tăng 6%, đây là mức tăng trưởng cao so với cùng kỳ (cùng kỳ năm ngoái giảm 8,9%).

Do giá xuất khẩu giảm bởi tổng cầu nhập khẩu nhóm hàng trên thị trường thế giới vẫn ở mức thấp, trong khi nguồn cung từ các nước xuất khẩu khác đang gia tăng và cạnh tranh với hàng xuất khẩu của Việt Nam cả về lượng và về giá... đã ảnh hưởng khá lớn đến tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này. Cụ thể, trong khi lượng xuất khẩu tăng giúp tăng kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng này là 623 triệu USD thì giá xuất khẩu giảm đã kéo kim ngạch xuất khẩu giảm 507 triệu USD. Bù trừ giữa tăng/giảm giá và lượng thì nhóm này vẫn tăng 116 triệu USD KNXXK so với cùng kỳ. Mức tăng thêm 116 triệu USD so với cùng kỳ của nhóm này mặc dù có ý nghĩa trong việc đóng góp vào tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu chung, nhưng quan trọng hơn là đã cho thấy năng lực sản xuất và khai thác thị trường của doanh nghiệp Việt Nam vẫn đang rất tích cực, đặc biệt là trong bối cảnh sụt giảm về cầu trên thế giới. Đây là yếu tố

quan trọng góp phần kim ngạch xuất khẩu của nhóm này trong 6 tháng cuối năm.

- *Nhóm hàng nhiên liệu, khoáng sản:* Kim ngạch xuất khẩu giảm 38,7% so với cùng kỳ năm 2015.

Nhóm này có kim ngạch xuất khẩu giảm mạnh so với cùng kỳ chủ yếu do xuất khẩu dầu thô giảm mạnh cả về lượng và giá xuất khẩu. KNXK nhóm nhiên liệu, khoáng sản giảm 867 triệu USD do giá xuất khẩu giảm, giảm 184 triệu USD do lượng xuất khẩu giảm. Tính chung do giảm giá và lượng khiến KNXK của nhóm giảm đến hơn 1 tỷ USD so với cùng kỳ.

- *Nhóm hàng công nghiệp chế biến:* Đây là nhóm hàng có độ nhạy cao với tổng cầu và khi tổng cầu suy giảm sẽ chịu ảnh hưởng lớn hơn nhóm nông sản. 6 tháng đầu năm, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng công nghiệp chế biến tăng 8,2%, là mức thấp hơn khá nhiều so với mức tăng của cùng kỳ năm 2015 (cùng kỳ năm 2015 tăng 18%). Tuy nhiên, so với các nhóm hàng khác thì đây cũng là mức tăng trưởng khá tích cực. Đây là nhóm hàng hóa chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam, song với mức tăng trưởng không cao so với cùng kỳ đã không thể là cứu cánh để kéo kim ngạch xuất khẩu chung của cả nước tăng lên.

Về cơ cấu thị trường xuất khẩu:

Hoa Kỳ tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn nhất và vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng. Tốc độ tăng KNXK 6 tháng đầu năm vào thị trường này đạt 12,8% (cùng kỳ năm trước đạt 18,6%), chiếm tỷ trọng 21,5% tổng KNXK cả nước (cùng kỳ năm trước chiếm 20,2%); Tiếp đến là thị trường EU tăng 9,8% (cùng kỳ năm trước tăng 11,6%) và chiếm tỷ trọng 19,8% tổng KNXK (cùng kỳ năm trước chiếm 19%); Thị trường Trung Quốc tăng 14,3% (cùng kỳ năm trước tăng 13,6%), chiếm tỷ trọng 11,1% (cùng kỳ năm trước chiếm 9,9%). Điều này cho thấy nỗ lực trong các biện pháp giữ vững trọng tâm khai thác các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam đang tiếp tục phát huy hiệu quả tốt. Tuy nhiên, một số thị trường xuất khẩu trong khu vực giảm như ASEAN giảm 12,6% (cùng kỳ năm trước giảm 1%), Nhật Bản giảm 1,3% (cùng kỳ năm trước giảm 6,7%).

2. Về nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu 6 tháng đầu năm giảm 0,5% so với cùng kỳ năm 2015. Xuất siêu 6 tháng đầu năm ước khoảng 1,54 tỷ USD, bằng khoảng 1,9% kim ngạch xuất khẩu. Đánh giá chi tiết hơn cho thấy:

- Giá nhập khẩu của các mặt hàng nguyên, nhiên, vật liệu giảm mạnh so với cùng kỳ khiến tổng kim ngạch nhập khẩu giảm mặc dù lượng nhập khẩu các mặt hàng hầu hết đều tăng, như sắt thép, xăng dầu, khí đốt hóa lỏng, chất dẻo nguyên liệu, cao su, giấy, xơ sợi dệt, kim loại... Trong 22 mặt hàng tính được về giá và lượng thì tác động do giá nhập khẩu giảm đã làm giảm kim ngạch nhập khẩu 4,95 tỷ USD, do lượng nhập khẩu tăng góp phần tăng kim ngạch nhập khẩu 4,46 tỷ USD. Tính chung bù trừ giữa tăng/giảm giá và lượng đã khiến cho KNNK cả nước tăng 490 triệu USD.

- Đáng chú ý, lượng nhập khẩu của một số hàng hóa là đầu vào quan trọng cho sản xuất như sắt thép, xăng dầu, khí hóa lỏng, chất dẻo nguyên liệu, cao su, giấy, xơ sợi dệt, kim loại... vẫn tăng, phù hợp với mức tăng của công nghiệp chế biến chế tạo. Vì vậy, nhập khẩu giảm 6 tháng đầu năm chưa hẳn thể hiện dấu hiệu tiêu cực.

- Kim ngạch nhập khẩu giảm cũng cho thấy tác dụng của các biện pháp quản lý, kiểm soát nhập khẩu đối với những nhóm hàng cần kiểm soát hoặc hạn chế nhập khẩu cũng như việc tăng cường sử dụng nguyên liệu, hàng hóa trong nước trong sản xuất có tác dụng tốt. Bên cạnh đó, cán cân thương mại thặng dư cũng góp phần đóng góp vào tăng trưởng GDP chung của cả nước.

- Về thị trường, nhập khẩu từ châu Á chiếm 81% tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước (cùng kỳ năm trước là 82%). Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất, chiếm 28,8% và giảm 2,9% so với cùng kỳ (cùng kỳ năm trước chiếm 30% và tăng 23,9%). Thị trường Hàn Quốc chiếm 18,4% và tăng 7,9% (cùng kỳ năm trước chiếm 17% và tăng 31,2%). Thị trường ASEAN chiếm 14,3% và giảm 3,4% (cùng kỳ năm trước chiếm 14,7% và tăng 6%). Thị trường châu Âu và châu Mỹ chiếm 14 - 16%, tốc độ tăng trưởng cơ bản duy trì tương đương mức cùng kỳ năm trước.

III. Về phát triển thị trường trong nước

Cung cầu hàng hóa trên thị trường, đặc biệt là các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng trong nước 6 tháng đầu năm được bảo đảm. Dung lượng thị trường tiếp tục có sự mở rộng, mặc dù với tốc độ không cao bằng cùng kỳ năm trước, nhưng vẫn là nhân tố tích cực và quan trọng góp phần vào tăng trưởng, ổn định kinh tế vĩ mô và bảo đảm an sinh xã hội.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội 6 tháng đầu năm tăng 9,46% so với cùng kỳ năm 2015. Trong đó, các nhóm hàng hóa đều có mức tăng khá đồng đều (với mức tăng từ 7,43 - 13,12%). Nếu loại trừ yếu tố tăng giá, tổng mức bán lẻ hàng hóa 6 tháng đầu năm tăng 7,6%; đây là mức tăng tương đối thấp so với cùng kỳ năm 2015 (ở mức 8,8%), song vẫn là mức khá tích cực nếu so với cùng kỳ 6 tháng của giai đoạn 2011 - 2014 (ở mức 5 - 6,5%) cũng như nếu so sánh tương quan với mức tăng trưởng GDP.

Trật tự thị trường vẫn tiếp tục được quan tâm. Công tác quản lý thị trường được triển khai quyết liệt ngay từ đầu năm, nhất là trong một số lĩnh vực hoặc mặt hàng quan trọng như phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi, xăng dầu, khí hóa lỏng, an toàn thực phẩm..., đã góp phần tạo điều kiện cho hàng Việt Nam phát triển. 6 tháng đầu năm, lực lượng quản lý thị trường đã tiến hành kiểm tra trên 70.150 vụ, phát hiện xử lý trên 49.500 vụ vi phạm, tổng số thu nộp ngân sách trên 240 tỷ đồng.

Công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, xử lý các hành vi cạnh tranh không lành mạnh, quản lý hoạt động bán hàng đa cấp, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại... được quan tâm đầy mạnh và đổi mới phương pháp, góp phần bảo vệ và hỗ trợ thị trường trong nước phát triển lành mạnh.

Mặc dù vậy, công tác quản lý và phát triển thị trường trong nước vẫn còn nhiều việc phải làm bởi trật tự thị trường vẫn chưa được tôn trọng triệt để; buôn lậu và gian lận thương mại vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp; quyền lợi của người tiêu dùng vẫn bị vi phạm; hoạt động bán hàng đa cấp bất chính, trước nỗ lực lớn của cơ quan chức năng và truyền thông, đã giảm rõ rệt nhưng vẫn âm ỉ ở các vùng sâu, vùng xa; mâu thuẫn giữa các bên liên quan trong các vụ việc phòng vệ thương mại vẫn còn...

IV. Về công tác hợp tác kinh tế quốc tế

Trong 6 tháng đầu năm 2016, Bộ Công Thương tập trung tham gia xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương về việc thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới và Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện các Nghị quyết này. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hoàn thành các thủ tục đề trình Quốc hội phê chuẩn Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương TPP và xây dựng kế hoạch thực thi Hiệp định. Triển khai rà soát pháp lý Hiệp định EVFTA để sớm bắt đầu quá trình chính thức phê chuẩn. Triển khai các biện pháp để tiếp tục hội nhập kinh tế trong ASEAN cũng như thúc đẩy hội nhập kinh tế khu vực thông qua ASEAN, đặc biệt là đàm phán Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP). Bên cạnh đó, Bộ Công Thương phối hợp cùng các Bộ, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn cho các doanh nghiệp, hiệp hội, địa phương về các cam kết hội nhập quốc tế nhằm nâng cao khả năng tận dụng các cơ hội do hội nhập mang lại.

V. Về xây dựng Chính phủ kiến tạo và tăng cường tương tác với doanh nghiệp, người dân

Với mục tiêu xây dựng một Chính phủ kiến tạo, là đối tác của doanh nghiệp và đặc biệt coi trọng việc tương tác với doanh nghiệp và người dân theo định hướng chỉ đạo chung của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công Thương đã tập trung triển khai đồng bộ nhiều hoạt động theo 3 hướng trọng tâm như sau:

- *Tập trung cụ thể hóa và triển khai quyết liệt các giải pháp chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tại các Nghị quyết, Quyết định, Chương trình công tác lớn, trong đó trọng tâm là Nghị quyết số 01, Nghị quyết số 19 và Nghị quyết số 35 của Chính phủ.* Theo đó, Bộ Công Thương đã nghiên cứu, cụ thể hóa và ban hành các danh mục công việc, nhiệm vụ cụ thể và phân giao các đơn vị chức năng thuộc Bộ chịu trách nhiệm tổ chức triển khai từng nhiệm vụ, phân công từng đồng chí Lãnh đạo Bộ theo dõi, đôn đốc, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên các đơn vị để bảo đảm mục tiêu cuối cùng là thực hiện thành công Nghị quyết quan trọng này của Chính phủ. Nội dung các công việc, nhiệm vụ cụ thể được ban hành tại các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Công Thương đều được tiến hành rà soát, đánh giá kết quả, tình hình triển khai thực hiện hàng tuần, hàng tháng trên cơ sở phải bảo đảm quán triệt được nguyên tắc: Có kiểm tra, theo dõi, đánh giá, đôn đốc, chỉ đạo một cách liên tục, thường xuyên trong quá trình tổ chức triển khai từng nhiệm vụ, từng công việc cụ thể đã được xác định và giao cho các đơn vị chức năng trong Bộ. Trên cơ sở đó, kịp

thời điều chỉnh, điều hành, tạo hiệu quả và chuyển biến một cách thực chất trong thực hiện từng nhiệm vụ, từng giải pháp.

- *Rà soát, gỡ bỏ ngay các qui định về thủ tục, điều kiện đầu tư kinh doanh không cần thiết, bảo đảm tháo gỡ khó khăn, khơi dậy năng lực sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp theo tinh thần đổi mới của Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp.* Theo đó, Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát và phối hợp chặt chẽ cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, VCCI... để lắng nghe, tiếp thu ý kiến và hoàn thiện Dự thảo Nghị định của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số qui định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương. Trong đó, Bộ Công Thương đã chỉ đạo tiến hành tập trung rà soát hơn 20 văn bản qui phạm pháp luật có các qui định về cấp phép xuất nhập khẩu, quản lý phân bón, hóa chất, khoáng sản, an toàn thực phẩm... thuộc chức năng, phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và đã xác định gần 50 nội dung sửa đổi, đơn giản hóa, loại bỏ. Hiện tại, mặc dù Nghị định này đã chính thức được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành (Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016) nhưng quá trình rà soát để tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, xóa bỏ các điều kiện không cần thiết tại các văn bản khác có liên quan vẫn đang được Bộ Công Thương chỉ đạo các Đơn vị tiếp tục thực hiện.

- *Xây dựng Chính phủ điện tử trong ngành Công Thương một cách thực chất và toàn diện.* Theo đó, Bộ Công Thương xác định đẩy nhanh quá trình xây dựng nền hành chính điện tử trên quan điểm toàn diện, bảo đảm thúc đẩy phát triển một cách đồng bộ các yếu tố có liên quan, từ khâu hạ tầng công nghệ thông tin - viễn thông; hệ thống máy móc, thiết bị để vận hành phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin; đội ngũ cán bộ có khả năng sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực thi công vụ; cơ chế, chính sách để khuyến khích, tạo thuận lợi cho ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động của Bộ. Kết quả cho thấy:

+ *Trong việc triển khai các dịch vụ công trực tuyến,* Bộ Công Thương là một trong những Bộ dẫn đầu và là Bộ đầu tiên triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 từ năm 2010. Đến nay, đã mở rộng triển khai 26 dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3, mức độ 4 và hầu hết các thủ tục hành chính công của Bộ Công Thương đã được triển khai thành các dịch vụ công trực tuyến.

+ *Trong việc triển khai Cơ chế một cửa quốc gia,* Bộ Công Thương đã tích cực phối hợp với Tổng cục Hải quan và các cơ quan Bộ, ngành triển khai kết nối 05 thủ tục hành chính với Cơ chế một cửa quốc gia, góp phần tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu.

+ *Trong việc xây dựng nền hành chính điện tử,* Bộ Công Thương đã quyết tâm xây dựng và chính thức đưa vào áp dụng từ ngày 01/6/2016 Hệ thống quản lý văn bản điện tử (Hệ thống iMOIT) trong xử lý văn bản đi và đến. Qua đó, tất cả văn bản của các đơn vị trong Bộ sẽ hoàn toàn xử lý trên môi trường điện tử. Với việc đưa vào áp dụng Hệ thống quản lý này, Bộ Công Thương là Bộ đầu tiên áp dụng quy trình quản lý và xử lý văn bản đi, văn bản đến hoàn toàn trên môi trường điện tử.

VI. Về cổ phần hóa và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp và công tác tổ chức cán bộ

1. Đối với công tác tái cơ cấu doanh nghiệp:

Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt/điều chỉnh Đề án tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2012 - 2015 của các đơn vị: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam. Hiện nay, các Tập đoàn đang triển khai xây dựng đề án tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 trình Thủ tướng Chính phủ. Nhìn chung, công tác tái cơ cấu doanh nghiệp của Bộ Công Thương đã triển khai theo đúng kế hoạch được phê duyệt.

2. Đối với công tác cổ phần hóa:

Cho tới nay, trong số 4 doanh nghiệp còn lại để hoàn thành 100% số doanh nghiệp của Bộ Công Thương được cổ phần hóa thì: Bộ Công Thương đang chỉ đạo thực hiện phương án cổ phần hóa theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa của Tổng công ty máy động lực và máy nông nghiệp Việt Nam và Tổng công ty Máy thiết bị công nghiệp. Riêng đối với Tổng công ty Giấy Việt Nam, Bộ Công Thương đã trình Thủ tướng Chính phủ phương án cổ phần hóa, đến nay, đang chờ kết quả phê duyệt. Đối với Công ty TNHH MTV BMC, Bộ Công Thương đang thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đối với Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam, Bộ Công Thương đang chỉ đạo Tổng công ty xây dựng và báo cáo Bộ kế hoạch cổ phần hóa theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đối với công tác thoái vốn:

Đến nay, Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã hoàn thành thoái vốn, giảm vốn theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam đã hoàn thành việc thoái vốn tại 13/17 doanh nghiệp (đặc biệt, đã hoàn thành việc thoái toàn bộ vốn tại các doanh nghiệp đầu tư ngoài ngành, bảo toàn vốn đầu tư và có lãi); Tổng công ty Thuốc lá Việt Nam đã hoàn thành việc thoái vốn ở 2 đơn vị (Ngân hàng Vietcombank và Công ty TNHH Sapor Vietnam) với tổng số tiền thu về trên 306 tỷ đồng; Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn và Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Hà Nội hiện đang xây dựng phương án thoái vốn nhà nước theo nguyên tắc nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ hoặc không cần nắm giữ, thẩm định phương án thoái vốn nhà nước và triển khai thực hiện theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc bán tiếp phần vốn Nhà nước tại 2 Tổng công ty nêu trên. Như vậy, Bộ Công Thương đã hoàn thành việc thoái vốn tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ theo đúng kế hoạch của giai đoạn 2011 - 2015. Đến nay, các Tập đoàn, Tổng công ty đang xây dựng kế hoạch thoái vốn giai đoạn 2016 - 2020 trong phương án tái cơ cấu của doanh nghiệp theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

4. Đối với công tác tổ chức cán bộ:

Bộ Công Thương đã tiến hành rà soát, điều chỉnh qui hoạch cán bộ lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ giai đoạn 2016 - 2021; tập trung xử lý tốt công tác quản lý,

qui hoạch, chuẩn bị nguồn cán bộ có đủ năng lực, phẩm chất để công tác tại các đơn vị trong Bộ cũng như đội ngũ cán bộ tham gia công tác tại các thương vụ Việt Nam ở nước ngoài. Rà soát, làm rõ và báo cáo các cơ quan có thẩm quyền các vấn đề về công tác cán bộ trong các giai đoạn trước đây. Bên cạnh đó, trong 6 tháng đầu năm 2016, Bộ Công Thương tổng hợp danh sách xin phê duyệt tinh giản 142 biên chế trong năm 2016 theo đúng chủ trương và định hướng của Chính phủ.

PHẦN THỨ BA

PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH CÔNG TÁC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục được dự báo có nhiều khó khăn, hầu hết các dự báo tăng trưởng cho 6 tháng cuối năm gần đây đều được điều chỉnh ở mức thấp hơn trước; kinh tế trong nước mặc dù đang trên đà lấy lại tốc độ tăng trưởng nhưng còn nhiều khó khăn và chưa vững chắc...; với quyết tâm nhất định sẽ phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch cả năm 2016 đã được Quốc hội, Chính phủ giao cho ngành Công Thương, Bộ Công Thương xác định sẽ tập trung thực hiện với nỗ lực và quyết tâm cao nhất, đi thẳng vào những vấn đề cụ thể để giải quyết những khó khăn vướng mắc của các doanh nghiệp, từ đó khơi dậy và mở rộng năng lực sản xuất trong nước, khơi thông thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu.

Các giải pháp cụ thể được xác định cho 6 tháng cuối năm như sau:

I. Về sản xuất công nghiệp

Xét theo chu kỳ tiêu thụ và khả năng đưa một số dự án mới đi vào hoạt động, tình hình sản xuất công nghiệp nhiều khả năng sẽ tăng trưởng tốt hơn trong 6 tháng cuối năm. Tập trung đẩy mạnh sản xuất công nghiệp, thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

Tập trung thực hiện các giải pháp thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp chế biến chế tạo và công nghiệp hỗ trợ. Tăng cường việc giám sát, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển, mục tiêu nhiệm vụ được giao của các Tập đoàn, Tổng công ty Nhà nước. Tập trung đẩy mạnh tiến độ các dự án đầu tư ngành công nghiệp để nâng cao năng lực sản xuất.

- *Đối với dầu khí:* Trên cơ sở theo dõi sát diễn biến giá dầu, xem xét khả năng tăng sản lượng khai thác từ các mỏ hiện có; ưu tiên xuất khí thiên nhiên Sư Tử Trắng để gia tăng sản lượng condensate; khoan thêm, khoan đàn dày một số giếng khai thác mới; Hoàn thiện công tác phê duyệt Kế hoạch đại cương phát triển mỏ khí Cá Voi Xanh; khẩn trương phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng công trình đường ống dẫn khí Lô B - Ô Môn và xây dựng Kế hoạch tổng thể triển khai chuỗi dự án khí Lô B.

- *Đối với điện*: Tập trung nguồn vốn cho đầu tư các dự án điện, đặc biệt là các dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2016 để sớm đi vào hoạt động, góp phần nâng cao giá trị sản xuất công nghiệp.

- *Đối với than*: Xây dựng và báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép thực hiện đồng bộ các giải pháp tối ưu hóa chi phí, bám sát nhu cầu thị trường để điều hành sản xuất, tiêu thụ than linh hoạt, phù hợp với nhu cầu thị trường và giảm lượng than tồn kho.

- *Đối với phân bón*: Xem xét, xử lý cụ thể đề xuất của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam về giá bán than của Tập đoàn Than - Khoáng sản Việt Nam cho sản xuất phân bón; Làm việc với Bộ Tài chính để xem xét lại vấn đề thuế GTGT cho mặt hàng phân bón.

- *Đối với thép*: Áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại để bảo đảm cạnh tranh công bằng với hàng nhập khẩu nhưng theo dõi sát tác động của các biện pháp này tới sản xuất, tiêu dùng trong nước để có sự điều chỉnh kịp thời, nếu cần. Bảo đảm hỗ trợ hợp lý cho sự phát triển của ngành thép trong dài hạn.

- *Đối với sản phẩm cơ khí*: Tiến hành nghiên cứu và áp dụng các biện pháp bảo hộ không trái cam kết quốc tế nhưng có tác dụng thúc đẩy phát triển một số sản phẩm cơ khí trong nước.

- *Đối với dệt may, da - giày*: Tập trung tháo gỡ khó khăn cho ngành, giữ vững thị trường xuất khẩu đi đôi với phát triển thị trường nội địa, mở rộng các kênh bán hàng để khai thác tối đa thị trường trong nước.

- *Đối với công nghiệp hỗ trợ*: Triển khai có hiệu quả các giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ đã ban hành, kết hợp với liên tục hoàn thiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, phù hợp với cam kết quốc tế; Tổ chức kết nối các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước, từng bước đưa các doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi sản xuất khu vực và toàn cầu.

II. Về xuất nhập khẩu

Trong bối cảnh nhu cầu nhập khẩu của các thị trường chủ lực vẫn ở mức thấp, sự sụt giảm giá của hàng hóa trên thị trường thế giới, sản lượng xuất khẩu tuy còn dư địa nhưng không thể đột biến do nhiều mặt hàng đã đến ngưỡng..., Tập trung đẩy mạnh xuất khẩu, thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

- *Đối với thủy sản*:

+ Tiếp tục theo dõi sát và vận động Hạ viện Hoa Kỳ thông qua Nghị quyết hủy bỏ Chương trình giám sát cá da trơn.

+ Tiếp tục xử lý gỡ bỏ các rào cản kỹ thuật bất hợp lý mà một số nước đang áp dụng đối với thủy sản Việt Nam (như lệnh cấm nhập khẩu tôm đông lạnh của Á-rập Xê-út). Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tháo gỡ một số rào cản kỹ thuật ở một số thị trường như Trung Quốc (gỡ bỏ lệnh tạm ngừng nhập khẩu một số mặt hàng thủy sản), Nhật Bản (xử lý rào cản về mức giới hạn cho phép đối với kháng sinh Enrofloxacin), Liên bang Nga (đánh giá lại và

thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định liên quan đến an toàn thực phẩm).

- Đối với rau quả:

Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tháo gỡ các rào cản kỹ thuật để có thể xuất khẩu chính thức một số loại trái cây vào các thị trường như Trung Quốc (bưởi da xanh, sầu riêng, măng cụt, roi), Đài Loan (xoài, nhãn, bưởi, chôm chôm), Nhật Bản (thanh long ruột đỏ, vải thiều), Hàn Quốc (vú sữa, nhãn, vải, chôm chôm), Ô-xtrây-li-a (xoài, thanh long) và Hoa Kỳ (xoài, vú sữa).

- Đối với gỗ và sản phẩm gỗ:

Phối hợp với Bộ Tài chính xem xét, xử lý kiến nghị của Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam về chính sách thuế, cụ thể là việc tăng thuế xuất khẩu đối với gỗ dăm, viên than mùn cưa và việc thay đổi mã HS dẫn đến tăng thuế xuất khẩu.

- Đối với gạo:

+ Tiếp tục thực hiện các hoạt động đối ngoại để ổn định xuất khẩu gạo sang Trung Quốc; tiếp tục trao đổi khả năng ký Bản Ghi nhớ giữa 2 nước về thương mại gạo; đề nghị Trung Quốc thực hiện kiểm tra theo phương thức lấy mẫu ngẫu nhiên và sớm công bố chính thức các doanh nghiệp Việt Nam đủ điều kiện xuất khẩu gạo vào Trung Quốc; tăng cường các hoạt động xúc tiến thương mại gạo tại thị trường Trung Quốc.

+ Sớm trao đổi với Phi-líp-pin về việc ký Nghị định thư gia hạn Bản thỏa thuận thương mại gạo năm 2010 (sẽ hết hạn vào 31/12/2016) cho giai đoạn 2017 - 2020.

+ Giao nhiệm vụ cho Thương vụ Việt Nam tại Indonesia phối hợp với Vinafood I và Vinafood II chủ động theo dõi, cập nhật thông tin về tình hình sản xuất lúa gạo, nhu cầu nhập khẩu gạo của Indonesia để kịp thời chuẩn bị nguồn cung và có phương án thảo luận với BULOG. Đề nghị Bộ Thương mại Indonesia nhanh chóng bổ sung đầu mối thực hiện Bản Ghi nhớ về thương mại gạo giữa hai nước và chuẩn bị phương án đàm phán gia hạn Bản Ghi nhớ này (sẽ hết hạn vào cuối năm 2017).

- Đối với các mặt hàng nông sản khác:

+ Tổ chức họp với các hiệp hội và doanh nghiệp xuất khẩu, đặc biệt là xuất khẩu cà phê, chè, mỳ ăn liền trong tháng 8/2016 để tìm hiểu khả năng đẩy mạnh xuất khẩu trên một số thị trường, trong đó có thị trường Nga, Belarus, Kazakhstan để tận dụng cơ hội do FTA mở ra.

+ Tiếp tục xử lý các rào cản kỹ thuật mà một số nước đang áp dụng đối với hàng Việt Nam (như việc Ấn Độ tăng thuế nhập khẩu điều nhân từ 25% lên 40% và đưa ra giá tối thiểu để tính thuế).

- Đối với dệt may, giày dép:

+ Tăng cường các chương trình xúc tiến thương mại và quảng bá sản phẩm tại Hoa Kỳ và các thị trường thuộc EU.

+ Tổ chức làm việc với Hiệp hội Dệt may, Hiệp hội Da Giày để nhận diện và xử lý dứt điểm các vướng mắc về thủ tục xuất nhập khẩu. Trao đổi các giải pháp để giữ đơn hàng và chia sẻ đơn hàng trong nội bộ ngành dệt may để cùng vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay.

- Các giải pháp khác:

+ Tiếp tục triển khai có hiệu quả và có trọng tâm Đề án “Thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam tham gia trực tiếp vào mạng phân phối nước ngoài giai đoạn đến năm 2020”.

+ Khẩn trương hoàn thiện Đề án thành lập văn phòng xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài, tập trung vào một số thị trường trọng điểm như Nhật Bản, Đức, Hàn Quốc... để trình Thủ tướng Chính phủ.

III. Về phát triển thị trường trong nước

Thị trường trong nước 6 tháng cuối năm dự báo sẽ tiếp tục có nhiều khó khăn, nhưng vẫn có những yếu tố cho thấy điều kiện, khả năng và dư địa để đạt tốc độ tăng trưởng nhanh hơn nếu tập trung quyết liệt để triển khai các biện pháp tháo gỡ, thúc đẩy mạnh mẽ sản xuất và kích thích tiêu dùng trong nước.

Về yếu tố thuận lợi, hiệu ứng từ các chính sách, giải pháp tháo gỡ khó khăn của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong 6 tháng đầu năm sẽ cho thấy kết quả trên thực tế và tác động tích cực tới sản xuất, tiêu dùng trong nước; Chỉ số giá tiêu dùng dự kiến sẽ được kiểm soát ở mức thấp (khoảng 5%) theo mục tiêu kế hoạch đề ra; Lãi suất cho vay có điều kiện để giảm do thanh khoản của hệ thống ngân hàng đang dồi dào, hỗ trợ tích cực cho nhu cầu tín dụng tăng cao vào cuối năm; 6 tháng cuối năm cũng là giai đoạn có mức tăng mua sắm, tiêu dùng cao hơn do có nhiều dịp lễ, Tết... là những yếu tố quan trọng tạo cơ hội thúc đẩy sản xuất, tiêu dùng và thị trường trong nước phát triển ở những tháng cuối năm.

Tuy nhiên, bên cạnh đó cũng có nhiều yếu tố khó khăn, tác động tới tăng trưởng thương mại trong nước 6 tháng cuối năm. Đó là diễn biến phức tạp và có xu hướng tăng cao về giá cả một số loại hàng hóa thiết yếu phục vụ sản xuất và tiêu dùng trên thị trường thế giới, tạo sức ép lạm phát gia tăng; Mặt bằng giá (CPI) của năm 2016 cao hơn nhiều so với mức bình quân của năm 2015 trong khi thu nhập chưa có nhiều thay đổi nên khả năng mua hàng của người dân khó có điều kiện được cải thiện; Các hành vi sản xuất, buôn lậu, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng có xu hướng gia tăng trong những tháng cuối năm...

Xét cả về thuận lợi, khó khăn và diễn biến các yếu tố chủ yếu tác động tới xu hướng sản xuất, tiêu dùng trên thị trường trong 6 tháng cuối năm 2016, phần đầu tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội cả năm 2016 đạt mức tăng trưởng 11% so với năm 2015. Để thực hiện được mục tiêu này, trước hết, cần bảo đảm ổn định và duy trì các chỉ số và cân đối lớn có tác động tới sản xuất và tiêu dùng trong nước để làm nền tảng cho thực thi có hiệu quả các giải pháp thúc đẩy sản xuất và kích thích tiêu dùng trong nước, trong đó đặc biệt là: Bảo đảm kiểm soát được chỉ số giá tiêu dùng ở mức hợp lý (dưới 5%)

theo chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra; Giữ vững cân đối cung cầu đối với các mặt hàng thiết yếu trong mọi thời điểm; Kiểm soát và điều hành tốt tỷ giá trước áp lực biến động giá trị của các đồng tiền mạnh như đồng Đôla Mỹ, đồng Euro và đồng Nhân dân tệ để bảo đảm hỗ trợ sản xuất, thúc đẩy xuất khẩu, ổn định thị trường trong nước; Tiếp tục ổn định mặt bằng lãi suất thị trường...

Về các giải pháp cụ thể:

- Cùng phối hợp với các ngành, các cấp để bảo đảm kiểm soát được chỉ số giá tiêu dùng ở mức hợp lý (dưới 5%) theo chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra, coi đây là giải pháp cơ bản để ổn định và phát triển tổng cầu. Chú trọng cân đối cung cầu một số mặt hàng thiết yếu, bảo đảm không để xảy ra sốt giá cục bộ.

- Đề nghị Ngân hàng Nhà nước xem xét, đánh giá lại chủ trương, chính sách đối với cho vay tiêu dùng để kích thích được tiêu dùng, đồng thời hỗ trợ cho sản xuất trong nước phát triển.

- Bộ Công Thương tập trung thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến thương mại nội địa; đẩy mạnh các hoạt động kết nối cung - cầu hàng hóa giữa các địa phương, vùng miền trong cả nước để tăng lưu chuyển, tiêu dùng hàng hóa trong nước.

- Tăng cường triển khai các đợt ra quân để kiểm tra, kiểm soát, xử lý vi phạm trên thị trường; thiết lập và duy trì kỷ cương, trật tự trên thị trường để tạo điều kiện cho sản xuất trong nước phát triển.

- Triển khai nghiên cứu ngay hệ thống bán lẻ để có các biện pháp không trái cam kết quốc tế nhưng bảo đảm cạnh tranh công bằng trên thị trường, hỗ trợ cho các nhà bán lẻ trong nước phát triển trước khi mở cửa hoàn toàn thị trường bán lẻ cho EU và các nước TPP (dự kiến vào năm 2023).

IV. Về công tác hội nhập kinh tế

- Tiếp tục thực hiện các chương trình, kế hoạch trong hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng thông qua công tác đàm phán các Hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương. Triển khai nghiêm túc các cam kết, thỏa thuận hợp tác đã ký kết, nhằm khai thác tốt các lợi thế của các thoả thuận này đem lại cho doanh nghiệp và nền kinh tế Việt Nam; tận dụng không gian chính sách đã đạt được trong đàm phán để xây dựng các cơ chế chính sách khuyến khích sản xuất - kinh doanh.

- Rà soát việc thực hiện các Hiệp định, thoả thuận hợp tác đã ký với các nước trong khu vực; đánh giá kết quả thực hiện, xem xét đề xuất, đàm phán ký những hiệp định, các thoả thuận hợp tác mới hoặc sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thực tế và yêu cầu quản lý.

- Triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin về các FTA vừa kết thúc đàm phán trong năm 2015 và về các cơ hội trong các FTA đã có hiệu lực khác.

- Làm việc với Bộ Ngoại giao để hoàn thiện cơ chế thống nhất quản lý hoạt động của hệ thống thương vụ Việt Nam ở nước ngoài theo hướng tạo thuận lợi và chủ động cho thương vụ nhất là về tài chính và phương tiện làm việc để nâng cao hiệu quả hoạt động của các thương vụ.

V. Về xây dựng Chính phủ kiến tạo và tăng cường tương tác với doanh nghiệp, người dân

- Tiếp tục rà soát và tập hợp các vướng mắc liên quan đến Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành, đặc biệt là Phụ lục 4 Luật Đầu tư để tiếp tục đưa ra các đề xuất thuận lợi hóa trong quá trình xây dựng Luật sửa đổi các Luật về đầu tư kinh doanh.

- Tập trung nguồn lực để bảo đảm hoàn thành có chất lượng 100% kế hoạch xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chương trình công tác năm 2016 được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao.

- Thực hiện các biện pháp nâng cấp hạ tầng để triển khai 52 thủ tục hành chính qua hình thức dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 và 4, nâng tổng số các thủ tục dịch vụ công trực tuyến của Bộ Công Thương lên 205 dịch vụ. Phấn đấu đến hết năm 2016 hoàn thành việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 đối với 100% thủ tục hành chính ở cấp Trung ương và ở cấp độ 4 là 30%.

VI. Về cổ phần hóa và đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp và công tác tổ chức cán bộ

- Tập trung thực hiện dứt điểm công tác cổ phần hóa, thoái vốn, tái cơ cấu của các doanh nghiệp thuộc Bộ theo kế hoạch đã phê duyệt. Hoàn thiện phương án cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Bộ để trình Thủ tướng Chính phủ.

- Đề xuất Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, trong đó chú trọng đến các quy định về phân cấp, phân quyền cho các Bộ, ngành, Hội đồng thành viên Tập đoàn kinh tế trong việc thực hiện các trình tự, thủ tục cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên Tập đoàn kinh tế nhằm rút ngắn thời gian, thủ tục cũng như tăng cường trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị liên quan trong quy trình cổ phần hóa doanh nghiệp.

- Đề nghị Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục hoàn thiện các cơ chế, chính sách cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trong đó tập trung vào việc ban hành "Tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập" để tạo thuận lợi cho công tác cổ phần hóa.

- Rà soát để xử lý dứt điểm các vấn đề trong công tác tổ chức - cán bộ thời gian qua. Rà soát để bổ sung, điều chỉnh các quy định về công tác cán bộ, đặc biệt là các vấn đề về qui hoạch, luân chuyển, đề bạt cán bộ, bảo đảm nguyên tắc dân chủ, công khai, góp phần xây dựng một đội ngũ cán bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh, có trình độ, có kỷ cương, lấy nhân dân, doanh nghiệp làm đối tượng phục vụ và coi trọng tương tác với doanh nghiệp, người dân.

ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ VỚI CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ:

1. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ đồng ý về chủ trương thành lập một số văn phòng xúc tiến thương mại của Việt Nam tại nước ngoài. Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan xây dựng đề án trình Thủ tướng Chính phủ trong quý IV năm 2016.

2. Để bảo đảm nguồn vốn thực hiện đúng tiến độ các dự án điện nông thôn giai đoạn 2016 - 2020, đề nghị Chính phủ vay vốn ODA làm nguồn ngân sách cấp cho các chủ đầu tư. Cho phép các dự án điện được vay lại của Bộ Tài chính nguồn vốn ODA và các nguồn vay ưu đãi nước ngoài theo đúng các điều kiện cho vay của nhà tài trợ, không áp dụng cơ chế cơ quan cho vay lại chịu rủi ro tín dụng, làm tăng chi phí đi vay đối với dự án.

3. Đề nghị Chính phủ xem xét, cho phép bổ sung các dự án điện được vào danh mục các dự án được vay tín dụng ưu đãi nhà nước đối với các hạng mục di dân tái định cư và chế tạo thiết bị trong nước.

4. Đề nghị Chính phủ tiếp tục chỉ đạo Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành có liên quan nghiên cứu, sớm đề xuất phương án xử lý các hạn chế, bất cập trong thực tiễn áp dụng các quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, đặc biệt là các vướng mắc liên quan đến xác định thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện đối với tổ chức vi phạm hành chính; việc thực hiện giao quyền trong xử phạt vi phạm hành chính; nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt.

5. Đề nghị Chính phủ chỉ đạo các Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xem xét, đề xuất việc đưa mặt hàng phân bón vào diện chịu thuế giá trị gia tăng ở mức 0%.

6. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan rà soát các mức thuế, phí hiện đang áp dụng đối với ngành than để đề xuất điều chỉnh phù hợp.

7. Đề nghị Chính phủ xem xét, thống nhất qui hoạch và cấp phép khu công nghiệp dệt may lớn từ 500 - 1.000 ha để kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước về sản xuất vải, sợi, nhuộm hoàn tất; Hỗ trợ lãi vay khi doanh nghiệp đầu tư vào trung tâm xử lý nước thải ở các khu công nghiệp này.

8. Kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, cho phép hỗ trợ với mức tối đa đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 để thu hút và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp thông qua hoạt động đầu tư phát triển các cụm công nghiệp./.